TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 – 2021
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Văn Hòa.

2/Bà Nguyễn Kim Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thời Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Ngọc T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Trần Kim X, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Ngọc T trình bày:

Bà Đặng Ngọc T với ông Trần Kim X kết hôn với nhau vào năm 2018. Hai người có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 26/02/2018.

Sau khi kết hôn hai người về sống bên gia đình ông X tại địa chỉ: Số 525, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vả. Hai người ly thân từ đó cho đến nay.

Thời gian chung sống hai người có một con chung tên Trần Tiểu M, sinh ngày 25/6/2019. Hiện con đang sống cùng bà T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Đặng Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Kim X.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết án bị đơn ông Trần Kim X trình bày:

Ông X thừa nhận về tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà T trình bày là đúng. Nhưng hai người có mâu thuẫn nhưng không quá trầm trọng đến mức ly hôn. Nay ông X không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Ngọc T ly hôn với ông Trần Kim X. Về con chung: Giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Kim X và bà Đặng Ngọc T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông X thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Đặng Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Trần Kim X.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Ngọc T với ông Trần Kim X là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Đối với ông X, ông không đồng ý ly hôn với lý do còn thương yêu vợ con nhưng không đưa ra được những chứng cứ thuyết phục. Trong tình cảm vợ chồng phải xây dựng, vun đắp và phát triển từ hai phía. Tại phiên hòa giải bà T cương quyết xin ly hôn bà T cho rằng không còn tình cảm với ông X. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu

cầu được ly hôn với ông X là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 25/6/2019. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy con dưới ba tuổi và hiện nay đang sống cùng bà T nên yêu cầu của bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T yêu cầu nên bà T phải chịu theo luật định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Ngọc T.

- Về hôn nhân: Bà Đặng Ngọc T được quyền ly hôn với ông Trần Kim X.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 25/6/2019 cho bà Đặng Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trần Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Kim X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông X lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông X. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Kim X không phải phải nộp án phí.

+ Bà Đặng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005932 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã L, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.